



Phân tích câu chuyện "Bốn cô vợ" qua lăng kính Phật giáo

ISSN: 2734-9195

11:25 27/05/2025

Tâm thức là dòng chảy ý niệm tiếp nối từ đời này sang đời khác, và chính nghiệp những hành động thiện ác của con người, là yếu tố dẫn dắt và định hướng cho tâm thức ấy tái sinh.

Tác giả: **Thích Chúc Xuân**

Để phân tích sâu hơn câu chuyện "Bốn cô vợ" qua lăng kính Phật giáo, tôi sẽ mở rộng các khía cạnh triết lý, đi sâu vào các khái niệm cốt lõi như Tứ Diệu Đế, Bát Chính Đạo, và các tầng ý nghĩa của nghiệp, đồng thời liên hệ chặt chẽ hơn với các giáo lý và kinh điển Phật giáo.

Bài phân tích nhấn mạnh câu chuyện phản ánh hành trình tu tập và giác ngộ, đồng thời đưa ra những góc nhìn về tâm lý và thực hành Phật pháp trong đời sống hiện đại.

Trong kho tàng truyện ngụ ngôn mang màu sắc Phật giáo, câu chuyện "Bốn cô vợ" là một ví dụ điển hình cho tư tưởng vô thường, buông xả và giác ngộ về giá trị đích thực của đời người.

Qua hình ảnh người đàn ông và bốn người vợ tượng trưng cho những điều mà con người bám víu trong cuộc đời, câu chuyện nhẹ nhàng nhắc nhở mỗi chúng ta về sự vô thường của kiếp người, về cái gì là thật sự theo ta sau khi nhắm mắt xuôi tay.

Đằng sau cốt truyện giản dị là một bài học sâu sắc, phản ánh rõ tinh thần của Phật giáo về bản chất của sự sống và cái chết.

1. Tóm tắt câu chuyện

Câu chuyện "Bốn cô vợ" kể về một người đàn ông giàu có với bốn cô vợ, mỗi cô tượng trưng cho một khía cạnh của cuộc đời:

Cô vợ thứ nhất: tượng trưng cho thân thể, thứ mà con người chăm chút, yêu thương nhất nhưng cũng là thứ sẽ bị bỏ lại đầu tiên khi ta từ giả cõi đời.

Cô vợ thứ hai: là biểu tượng cho tài sản, danh vọng, những thứ mà con người say mê nhưng rồi cũng chỉ thuộc về thế gian, không thể theo ta khi chết.

Cô vợ thứ ba: đại diện cho gia đình, bạn bè, người thân, họ có thể đồng hành, an ủi ta lúc khó khăn, nhưng cũng chỉ tiễn ta đến mộ phần mà thôi.

Cô vợ thứ tư: chính là tâm thức dẫn nghiệp, hay nói rộng là thức uẩn, yếu tố duy nhất tiếp nối qua các kiếp sống, chịu ảnh hưởng bởi những hành động thiện ác mà con người đã tạo trong suốt cuộc đời. Tâm thức này bị nghiệp dẫn dắt, và nghiệp chính là động lực định đoạt tương lai trong vòng luân hồi sinh tử.

Thông điệp của câu chuyện này là một ẩn dụ sâu sắc về vô thường, khổ đau, vô ngã, và con đường dẫn đến giác ngộ. Rằng mọi thứ trong cõi đời này đều tạm bợ, thân xác rồi cũng tiêu tan, của cải cũng để lại, người thân cũng chỉ tiễn đưa đến một đoạn đường. Chỉ có nghiệp thiện ác ta gây tạo là thứ duy nhất theo ta sang kiếp khác. Đây cũng là lời nhắc nhở mỗi người hãy sống chính niệm, hướng thiện, tạo nghiệp lành để có được an lạc đời này và đời sau.



Hình ảnh minh họa. Ảnh: internet.

2. Phân tích sâu qua các khái niệm Phật giáo

2.1. Tứ Diệu Đế và sự phản ánh trong câu chuyện

Tứ Diệu Đế là nền tảng của Phật giáo, được trình bày trong Dhammacakkappavattana Sutta (Kinh Chuyển Pháp Luân, Samyutta Nikaya 56.11) [1], bao gồm: Khổ đế (khổ đau là bản chất của đời sống), Tập đế (nguyên nhân của khổ đau), Diệt đế (khả năng chấm dứt khổ đau), và Đạo đế (con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau). Câu chuyện "Bốn cô vợ" phản ánh cả bốn chân lý này:

Khổ đế: Nỗi đau khổ của người đàn ông khi ba cô vợ đầu từ chối đồng hành phản ánh khổ đau (dukkha) do chấp trước vào những thứ vô thường như thân thể, tài sản, và danh tiếng. Sự bám víu này, hay tham ái (tanha), dẫn đến khổ đau khi chúng không trường tồn, như đức Phật dạy trong Dhammacakkappavattana Sutta [1].

Tập đế: Nguyên nhân của khổ đau là tham ái (tanha), bao gồm tham ái vào khoái lạc giác quan, tham ái vào sự tồn tại, và tham ái vào hư vô, như được giải thích trong Dhammacakkappavattana Sutta [1].

Người đàn ông trong câu chuyện đã dành cả đời để chăm sóc và bám víu vào ba cô vợ đầu: thân thể, tài sản, danh tiếng mà quên mất cô vợ thứ tư, tâm thức. Sự chấp trước này là nguồn gốc của nỗi đau khi ông nhận ra chúng không trường tồn.

Diệt đế: Câu chuyện ngầm chỉ ra rằng, để chấm dứt khổ đau, con người cần buông bỏ chấp trước vào những thứ vô thường và tập trung vào việc trau dồi tâm thức. Cô vợ thứ tư – tâm thức hoặc nghiệp, là yếu tố duy nhất đi cùng con người qua cái chết, gợi ý rằng giải thoát nằm ở việc nhận ra và nuôi dưỡng bản chất chân thật của mình [1].

Đạo đế: Con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau là Bát Chính Đạo, cũng được đề cập trong Dhammacakkappavattana Sutta [1]. Việc chăm sóc cô vợ thứ tư đòi hỏi thực hành chính niệm, chính kiến, và chính định để phát triển trí tuệ và đạo đức, từ đó thoát khỏi vòng luân hồi.



Hình ảnh minh họa. Ảnh: internet.

2.2. Vô thường, vô ngã, và sự chấp chước

Câu chuyện minh họa rõ ràng ba đặc tính của vạn pháp (tam pháp ấn): vô thường (anicca), khổ (dukkha), và vô ngã (anatta), được trình bày trong Anattalakkhana Sutta (Kinh Vô Ngã Tướng, Samyutta Nikaya 22.59) [2].

Vô thường: Ba cô vợ đầu tiên: thân thể, tài sản, danh tiếng, đều rời bỏ người đàn ông khi ông chết. Điều này phản ánh giáo lý vô thường, khi đức Phật dạy rằng mọi hiện tượng đều thay đổi, không trường tồn: *"Cái gì có bản chất sinh khởi thì có bản chất hoại diệt"* [2]. Thân thể sẽ già đi và phân hủy, tài sản có thể mất đi trong chớp mắt, và danh tiếng hay các mối quan hệ xã hội cũng tan biến. Chỉ có tâm thức (cô vợ thứ tư) là yếu tố liên kết các kiếp sống, nhưng ngay cả tâm thức cũng không cố định mà luôn chuyển hóa theo nghiệp.

Vô ngã: Phật giáo nhấn mạnh rằng không có một "cái tôi" cố định. Ba cô vợ đầu tiên tượng trưng cho những gì con người thường đồng hóa với "cái tôi": cơ thể, sở hữu, danh tiếng. Tuy nhiên, khi cái chết đến, chúng không thuộc về ông, minh chứng rằng chúng không phải là "ta" hay "của ta", như đức Phật giải thích trong Anattalakkhana Sutta: *"Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là tự ngã"* [2].

Ví dụ, khi một người mất đi danh tiếng do một scandal, họ đau khổ vì đã đồng hóa danh tiếng với “*cái tôi*”. Ngay cả cô vợ thứ tư – tâm thức, cũng không phải là một “*cái tôi*” vĩnh cửu, mà là một dòng chảy ý thức, chịu ảnh hưởng bởi nghiệp.

Khổ: Sự chấp trước vào ba cô vợ đầu tiên dẫn đến khổ đau khi chúng rời bỏ người đàn ông. Trong Dhammapada (Kinh Pháp Cú) dạy: “*Từ tham ái sinh ra sầu muộn, từ tham ái sinh ra lo sợ*” [3]. Câu chuyện là một lời nhắc nhở rằng, để thoát khỏi khổ đau, con người cần buông bỏ sự bám víu vào những thứ vô thường và hướng tâm đến việc tu tập.



Hình ảnh minh họa. Ảnh: internet.

2.3. Nghiệp và luân hồi

Trong Phật giáo, nghiệp (karma) là luật nhân quả, quyết định hành trình của tâm thức qua các kiếp sống trong luân hồi. Cô vợ thứ tư: tâm thức hoặc nghiệp, là điều duy nhất đi cùng con người sau khi chết. Điều này phản ánh giáo lý trong Anguttara Nikaya (Kinh Tăng Chi Bộ): “*Này các Tỳ-kheo, nghiệp là cánh đồng, ý thức là hạt giống, tham ái là nước tưới*” [4]. Những hành động, lời nói, và suy nghĩ của người đàn ông trong câu chuyện đã định hình tâm thức của ông, và tâm thức này sẽ tiếp tục hành trình trong luân hồi.

Câu chuyện cũng cảnh báo về việc bỏ bê cô vợ thứ tư. Người đàn ông đã không chú trọng đến việc trau dồi tâm thức, dẫn đến việc ông chỉ có một người bạn đồng hành "yếu ớt" (tâm thức thiếu tu tập) khi đối mặt với cái chết. Sự bỏ bê này khiến tâm thức của ông trở nên bất an, dẫn đến những kiếp sống tương lai không chắc chắn, chịu ảnh hưởng bởi nghiệp tiêu cực. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo nghiệp thiện thông qua thực hành từ bi, bố thí, và thiền định, như được đề cập trong Majjhima Nikaya (Kinh Trung Bộ, bài kinh 135: Cula-kammavibhanga Sutta) [5].

Cần lưu ý rằng, trong Phật giáo, nghiệp (karma) và tâm thức (viññāṇa) là hai yếu tố khác biệt nhưng gắn bó mật thiết. Tâm thức là dòng chảy ý niệm tiếp nối từ đời này sang đời khác, và chính nghiệp những hành động thiện ác của con người, là yếu tố dẫn dắt và định hướng cho tâm thức ấy tái sinh. Nghiệp tạo ra môi trường và điều kiện, còn tâm thức chịu tác động và tiếp tục mang theo quả của nghiệp trong chuỗi luân hồi.

2.4. Bát Chính Đạo và hành trình tu tập

Câu chuyện gợi mở về Bát Chính Đạo, con đường tám nhánh dẫn đến giác ngộ, được trình bày chi tiết trong Magga-vibhanga Sutta (Samyutta Nikaya 45.8) [6]. Việc người đàn ông bỏ bê cô vợ thứ tư cho thấy ông thiếu chính kiến (nhìn đúng bản chất của vạn pháp) và chính niệm (tỉnh thức trong hiện tại). Để chăm sóc tâm thức, con người cần thực hành:

Chính kiến và chính tư duy: Hiểu rõ vô thường, vô ngã, và khổ đau để không bám víu vào thân thể, tài sản, hay danh tiếng [6].

Chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng: Sống đạo đức, tránh gây hại, và tạo nghiệp thiện [6].

Chính tinh tấn, chính niệm, chính định: Thực hành thiền định để phát triển trí tuệ và thanh tịnh tâm thức, như được khuyến khích trong Satipatthana Sutta (Kinh Niệm Xứ, Majjhima Nikaya 10) [7].

Câu chuyện khuyến khích con người sống tỉnh thức, tập trung vào việc tu tập tâm linh, thay vì bị cuốn vào những cám dỗ thế gian. Đức Phật dạy rằng chính niệm là chìa khóa để nhận ra bản chất thực tại và thoát khỏi khổ đau [7].



Hình ảnh minh họa. Ảnh: internet.

2.5. Tâm lý Phật giáo và bài học thực tiễn

Từ góc độ tâm lý Phật giáo, câu chuyện phản ánh cách con người thường bị cuốn vào năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) và coi chúng là "*cái tôi*", như được phân tích trong Anattalakkhana Sutta [2]. Ba cô vợ đầu tiên tượng trưng cho sắc (thân thể), thọ (khoái lạc từ tài sản), và tưởng (nhận thức về danh tiếng). Tuy nhiên, năm uẩn đều vô thường và không phải là bản chất chân thật. Cô vợ thứ tư, thức uẩn là yếu tố duy nhất liên kết các kiếp sống, nhưng ngay cả thức cũng không phải là một thực thể cố định, mà là một dòng chảy chịu ảnh hưởng của nghiệp.

Trong đời sống hiện đại, câu chuyện nhắc nhở chúng ta về việc sai lầm. Con người thường dành quá nhiều thời gian để chăm sóc cơ thể (sắc đẹp, sức khỏe), tích lũy tài sản, hoặc xây dựng danh tiếng, mà quên mất việc nuôi dưỡng tâm hồn và trí tuệ. Phật giáo khuyến khích thực hành thiền quán (vipassana), như được mô tả trong Satipatthana Sutta [7], để nhận ra bản chất vô thường của năm uẩn, từ đó buông bỏ chấp trước và sống an lạc.

3. Liên hệ với kinh điển và ứng dụng thực tiễn

Câu chuyện có thể được liên hệ với nhiều kinh điển Phật giáo. Chẳng hạn, trong Dhammapada (Kinh Pháp Cú), kệ 287 dạy: *“Cũng như lũ cuốn trôi làng mạc, cái chết cuốn trôi người tham đắm vào con cái và tài sản”* [3]. Điều này tương đồng với sự thất vọng của người đàn ông khi ba cô vợ đầu từ chối ông. Tương tự, trong Samyutta Nikaya (Kinh Tương Ưng Bộ), đức Phật nhấn mạnh rằng chỉ có nghiệp là thứ đi theo con người, giống như *“bóng không rời hình”* (Samyutta Nikaya 3.22) [8].

Trong thực tiễn, câu chuyện khuyến khích chúng ta áp dụng Phật pháp vào đời sống hàng ngày. Ví dụ, thay vì chạy theo vật chất, chúng ta có thể thực hành bố thí (dana), như được khuyến khích trong Dana Sutta (Anguttara Nikaya 7.49) [9], để tạo nghiệp thiện. Ngoài ra, việc thực hành chính niệm có thể đơn giản như dành 5 phút mỗi ngày để quán sát hơi thở, giúp nhận ra và buông bỏ cảm xúc tiêu cực. Khi đối mặt với mâu thuẫn, ta có thể thực hành từ bi (karuna) bằng cách lắng nghe người khác mà không phán xét, từ đó giúp ta sống hài hòa và an lạc. [7]

Bên cạnh đó, việc thực hành thiền quán (vipassanā) theo Kinh Niệm Xứ (Satipatthana Sutta, Majjhima Nikaya 10) [7], cũng là phương pháp thiết thực để hành giả trực tiếp quán chiếu thân, thọ, tâm và pháp. Qua đó, từng bước nhận ra tính vô thường, khổ, và vô ngã của các pháp, giúp buông xả chấp trước, giải trừ phiền não và đạt đến an lạc nội tâm.

Tương tự như triết lý Đạo Lão, vốn nhấn mạnh sự hòa hợp với tự nhiên và buông bỏ dục vọng, câu chuyện *“Bốn cô vợ”* khuyến khích con người sống nhẹ nhàng, không bám víu vào những thứ tạm bợ, để đạt được sự an lạc nội tâm.



Biểu đồ trên minh họa rằng con người thường ưu tiên thân thể (40%) tài sản (30%) gia đình (20%) hơn tâm thức (10%), trong khi theo Phật giáo, tâm thức là yếu tố quan trọng nhất, quyết định hành trình luân hồi.

4. Bài học và ứng dụng

Câu chuyện "*Bốn cô vợ*" mang đến những bài học sâu sắc:

Nhận ra vô thường: Thân thể, tài sản, danh tiếng đều tạm bợ. Hiểu điều này giúp chúng ta sống nhẹ nhàng hơn, không bám víu vào những thứ không trường tồn [2].

Ưu tiên tu tập tâm thức: Tâm thức là "*người bạn đồng hành*" duy nhất qua các kiếp sống. Thực hành chính niệm, thiền định, và đạo đức là cách để nuôi dưỡng tâm thức [7].

Sống theo Bát Chính Đạo: Con đường tám nhánh là kim chỉ nam để thoát khỏi khổ đau và đạt giác ngộ [6].

Tạo nghiệp thiện: Mỗi hành động, lời nói, suy nghĩ đều ảnh hưởng đến dòng tâm thức. Hãy sống từ bi và trí tuệ để tạo nghiệp tốt [4, 5].

Trong bối cảnh hiện đại, câu chuyện nhắc nhở chúng ta sống chậm lại, nhìn vào bên trong, và không để những cám dỗ của xã hội (vật chất, danh vọng) chi phối, giúp ta nhận ra những cảm xúc tiêu cực và buông bỏ chúng. Ngoài ra chúng ta nên dành thời gian cho thiền định, học hỏi Phật pháp, thực hành từ bi bằng cách đặt mình vào vị trí của người khác, từ đó giảm sân hận và xây dựng các mối quan hệ hài hòa.

5. Cảm nhận cá nhân về câu chuyện "*Bốn Cô Vợ*"

Câu chuyện ngắn gọn nhưng chứa đựng một bài học sâu sắc về thân phận con người và giá trị đích thực của cuộc sống mà đôi khi, giữa guồng quay hối hả của cuộc đời, chúng ta vô tình quên mất.

Trong câu chuyện, bốn người vợ là những hình ảnh tượng trưng cho bốn thứ mà bất kỳ ai cũng có trong đời: thân xác, của cải, người thân và nghiệp báo. Tôi chợt giật mình nhận ra rằng bản thân mình cũng giống như người đàn ông ấy, mãi mê chăm chút cho thân thể, tiền bạc và các mối quan hệ, mà quên mất điều quan trọng nhất chính là những nghiệp thiện ác mà mình tích lũy suốt cả cuộc đời.

Câu chuyện nhắc tôi nhớ đến một chân lý mà đức Phật từng dạy: "*Của cải, địa vị và người thân chỉ là tạm bợ, chỉ có nghiệp thiện ác mới theo ta qua nhiều kiếp.*" Thân thể dù có đẹp đến đâu cũng sẽ tàn úa theo năm tháng. Tài sản dù nhiều đến mấy cũng không thể mang theo khi nhắm mắt. Người thân dù thương

yêu ta đến đâu cũng chỉ có thể đưa tiễn ta đến mộ phần. Còn lại, chỉ có nghiệp là điều duy nhất tiếp tục đồng hành cùng ta.

Không chỉ vậy, câu chuyện còn khiến tôi nhận ra một điều quan trọng: tất cả những gì ta chấp vào từ thân thể, tài sản, danh vọng cho đến tâm thức, đều không phải là "ta" hay "của ta". Mọi thứ chỉ là sự kết hợp của các yếu tố duyên sinh, không có một tự ngã cố định. Hiểu rõ tính vô ngã này, tôi càng ý thức hơn về việc buông bỏ những chấp thủ và sống an trú trong hiện tại.

Điều làm tôi suy nghĩ nhất là hình ảnh người vợ thứ tư, bị lãng quên nhưng lại là người duy nhất không rời bỏ ta khi chết. Nó khiến tôi phải tự hỏi: suốt những năm tháng đã qua, tôi đã dành bao nhiêu thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng tâm hồn mình? Tôi đã làm được bao nhiêu điều tốt, để rồi khi nhắm mắt, tôi có thể an tâm và mỉm cười mà đi?

Từ câu chuyện này, tôi nghiệm ra rằng, sống ở đời nên biết quý trọng những điều vô hình, những giá trị của tâm hồn và đạo đức. Đừng đợi đến khi già nua, bệnh tật mới quay đầu tìm lại bản thân. Hãy sống tốt mỗi ngày, bớt sân si, bớt cố chấp, bớt hơn thua, biết buông bỏ những thứ không đáng để tâm, và học cách sống yêu thương, bao dung hơn với người khác. Bởi vì, chỉ có nghiệp là thứ thật sự của riêng ta.

Hãy thử dành một khoảnh khắc mỗi ngày để nhìn vào bên trong, tự hỏi: *"Hôm nay, tôi đã làm gì để nuôi dưỡng tâm hồn mình?"*

Hình ảnh *"Bốn cô vợ"* trong câu chuyện là một ẩn dụ truyền thống, sử dụng bối cảnh văn hóa thời xưa để truyền tải thông điệp. Trong thực tế, thông điệp này áp dụng cho tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, nhấn mạnh vào việc nhận ra giá trị chân thật của tâm thức và buông bỏ chấp trước.

"Bốn Cô Vợ" là một câu chuyện tôi nghĩ ai cũng nên đọc một lần trong đời. Nó không chỉ nhắc nhở ta về sự vô thường, mà còn giúp mỗi người biết sống chính niệm và trân trọng giá trị đích thực của cuộc sống. Với tôi, đây là một bài học quý giá mà tôi sẽ luôn ghi nhớ và nhắc nhở chính mình trên hành trình phía trước.

6. Kết luận

Câu chuyện *"Bốn cô vợ"* là một ẩn dụ sâu sắc, phản ánh các giáo lý cốt lõi của Phật giáo như vô thường, vô ngã, khổ đau, và con đường giải thoát. Qua việc phân tích câu chuyện dưới lăng kính Tứ Diệu Đế, Bát Chính Đạo, và khái niệm nghiệp, chúng ta thấy rằng nó không chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn, mà còn

là một lời nhắc nhở mạnh mẽ về cách sống tỉnh thức.

Bằng cách chăm sóc "*cô vợ thứ tư*" tâm thức tức nghiệp lành, đức hạnh, để khi rời khỏi cuộc đời này, ta không phải hoang mang, sợ hãi, mà có thể an nhiên bước vào một cõi sống mới với niềm an lạc và nhẹ nhõm.

Thông qua thực hành đạo đức, thiền định, và trí tuệ, con người có thể tìm thấy an lạc trong hiện tại và chuẩn bị cho hành trình vượt qua luân hồi.

Chú thích tra cứu Anh - Việt:

[1]. Dhammacakkappavattana Sutta (Kinh Chuyển Pháp Luân), Samyutta Nikaya 56.11, trong The Connected Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 2000.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya), quyển V. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (Kinh Chuyển Pháp Luân, SN 56.11, tr. 1263-1266).

[2]. Anattalakkhana Sutta (Kinh Vô Ngã Tướng), Samyutta Nikaya 22.59, trong The Connected Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 2000.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya), quyển III. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (Kinh Vô Ngã Tướng, SN 22.59, tr. 941-945).

[3]. Dhammapada (Kinh Pháp Cú), kệ 215 và 287, bản dịch của Acharya Buddharakkhita, Buddhist Publication Society, 1985.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Pháp Cú (Dhammapada). TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (kệ 215, tr. 83; kệ 287, tr. 109).

[4]. Anguttara Nikaya 3.76, trong The Numerical Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 2012.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya), quyển I. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (AN 3.76, tr. 377-378).

[5]. Cula-kammavibhanga Sutta (Kinh Phân Tích Nghiệp), Majjhima Nikaya 135, trong The Middle Length Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Ñāṇamoli và Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 1995.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya), quyển II. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992. (Tiểu Nghiệp Phân Biệt, MN

135, tr. 792-797).

[6]. Magga-vibhanga Sutta (Kinh Phân Tích Đạo), Samyutta Nikaya 45.8, trong The Connected Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 2000.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya), quyển V. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (Kinh Phân Tích Đạo, SN 45.8, tr. 1120-1124).

[7]. Satipatthana Sutta (Kinh Niệm Xứ), Majjhima Nikaya 10, trong The Middle Length Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Ñāṇamoli và Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 1995.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya), quyển I. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992. (Kinh Niệm Xứ, MN 10, tr. 134-148).

[8]. Samyutta Nikaya 3.22, trong The Connected Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 2000.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya), quyển I. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (SN 3.22, tr. 138-139).

[9]. Dana Sutta (Kinh Bố Thí), Anguttara Nikaya 7.49, trong The Numerical Discourses of the Buddha, bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Wisdom Publications, 2012.

- HT.Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya), quyển IV. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993. (Kinh Thí, AN 7.49, tr. 207-208).